

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Phòng thủ dân sự;

Xét Tờ trình số 1825/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi của Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh để hỗ trợ hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa và các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh;
- Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra;
- Lực lượng được cấp có thẩm quyền huy động tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa;
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và thụ hưởng từ Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Trường hợp nội dung đã được ngân sách nhà nước, Quỹ phòng, chống thiên tai, bảo hiểm, nguồn cứu trợ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc

nguồn hợp pháp khác hỗ trợ thì Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ hỗ trợ phần nhu cầu còn thiếu hoặc phần chưa được bảo đảm.

2. Trường hợp đối tượng được hưởng nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

3. Nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng đối với việc hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học; bảo đảm giao thông; tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi của Quỹ Phòng thủ dân sự tỉnh

1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó sự cố, thảm họa:

a) Sơ tán người dân khỏi nơi nguy hiểm: Chi hỗ trợ chi phí thuê phương tiện vận chuyển người và tài sản; mức chi thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh hoặc theo hợp đồng thuê, khoán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

b) Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán:

Hỗ trợ tiền ăn, nước uống và nhu yếu phẩm: Mức chi 200.000 đồng/người/ngày theo số ngày thực tế phải sơ tán của cấp có thẩm quyền thông báo.

Chăm sóc y tế: thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho người dân nơi sơ tán theo chi phí thực tế phát sinh do cơ sở y tế tổng hợp.

c) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa:

Hỗ trợ lực lượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa: 328.000 đồng/người/ngày; Hỗ trợ lực lượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa: 160.000 đồng/người/ngày.

Hỗ trợ tiền ăn, tiền nước uống: 200.000 đồng/người/ngày.

2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, cơ sở vật chất học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do sự cố, thảm họa.

Hỗ trợ khẩn cấp về lương thực: thực hiện theo mức 15 kg gạo/người/tháng, thời gian hỗ trợ theo tình hình thực tế nhưng không quá 03 tháng/đợt hỗ trợ. Trường hợp hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật khác thay thế gạo thì mức hỗ trợ được xác định tương đương giá trị gạo tại thời điểm hỗ trợ.

Hỗ trợ cơ sở vật chất học tập: mức hỗ trợ 400.000 đồng/học sinh/đợt sự cố, thảm họa.

Hỗ trợ thuốc chữa bệnh: Đối với bệnh nhân (tham gia BHYT) được điều trị tại các cơ sở y tế: 500.000 đồng/người/đợt sự cố, thảm họa; Đối với bệnh

nhân (không tham gia BHYT) được điều trị tại các cơ sở y tế: 1.000.000 đồng/người/đợt sự cố, thảm họa.

Hỗ trợ các nhu cầu cấp thiết khác (nước uống, chăn, màn, đèn pin, bát, quần áo, dụng cụ nấu ăn, vật dụng sinh hoạt cơ bản cho các hộ gia đình): 1.500.000 đồng/hộ bị thiệt hại do sự cố, thảm họa gây ra.

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng sự cố, thảm họa

Hỗ trợ tu sửa đối với nhà ở bị thiệt hại một phần nhưng còn khả năng sửa chữa, khắc phục để tiếp tục sử dụng: Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/hộ.

Hỗ trợ tu sửa đối với nhà ở bị thiệt hại hoàn toàn, không còn khả năng sử dụng và phải xây dựng lại: Mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/hộ.

Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học: Theo khối lượng thực tế cần khắc phục, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ; mức chi không quá 50.000.000 đồng/01 công trình.

Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường: Theo khối lượng thực tế cần khắc phục, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ; mức chi không quá 10.000.000 đồng/xã.

c) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do sự cố, thảm họa: Mức chi theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

d) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt: Theo khối lượng thực tế cần khắc phục, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

e) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa: Theo khối lượng thực tế cần khắc phục, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ; mức chi không quá 03 tỷ đồng/01 công trình.

3. Các nội dung chi khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 7 năm 2026.
2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVIII Kỳ họp thứ 04 thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2026/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phan Thăng An